

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/KDTM-ST  
Ngày 07-9-2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng thuê khoán  
tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Trần Duyên Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Ngọc Hòa.
2. Ông Nguyễn Văn Sỹ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2022/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty D, trụ sở tại: Số nhà X, đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Trần Thị T là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc). Ông Trần N, cư trú tại: Số nhà X, đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 13/UQ-DH ngày 25 tháng 7 năm 2021). Có mặt

**2. Bị đơn:**

**2.1.** Anh Nguyễn Văn H, cư trú tại: Số nhà Y, đường H, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Có mặt.

**2.2.** Ông Trần V, cư trú tại: Thôn S, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 7 năm 2021, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2021, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty D là ông Trần N trình bày:

Công ty D có sở hữu 01 chiếc xe máy xúc lật bánh lốp, hiệu L, màu sơn vàng, số động cơ B, số khung C, biển đăng ký Z. Tháng 02-2018, ông Trần V liên hệ với Công ty D nói có máy xúc lật đưa đến làm thuê hốt đá tại mỏ đá N (phường N, thị xã A, tỉnh B) thuộc Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ B. Vì xe máy xúc lật của ông V bị hư hỏng mà xe máy xúc lật của Công ty D đang làm ở mỏ đá B nhưng hết việc nên đã đem đến làm thuê cho ông V. Hai bên không làm hợp đồng thuê bằng văn bản (do đã quen biết nhau) mà chỉ có thỏa thuận miệng cho thuê và trả tiền theo khối lượng công việc. Từ đó đến tháng 7-2020, chiếc xe máy xúc lật của Công ty D vẫn hoạt động và đậu tại bãi mỏ đá N. Do ông V hết hạn hợp đồng với Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ B nên mỏ đá không còn hoạt động. Công ty D chờ ông V trả tiền thuê để kéo xe máy xúc lật đi, nhưng ông V cứ hẹn và nêu khó khăn, khát nợ không trả. Đến ngày 01-6-2021, Công ty D cử người đến mỏ đá N thì phát hiện xe máy xúc lật nêu trên không còn đậu ở mỏ đá. Qua tìm hiểu thì được nhân viên bảo vệ mỏ đá N cho biết là anh Nguyễn Văn H đã đưa xe đi, đến khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì mới biết là xe đang được gửi ở khu vực Bến xe thị trấn V, huyện V. Nay Công ty D yêu cầu ông Trần V, anh Nguyễn Văn H phải trả lại chiếc xe máy xúc lật nêu trên cho Công ty D; đồng thời yêu cầu ông V phải bồi thường giá trị 02 cái bình ắc-quy trên xe (đã bị tháo mất) trị giá 6.000.000 đồng và chi phí thuê xe cẩu, xe đầu kéo để vận chuyển xe từ thị trấn V về thành phố Q là 8.000.000 đồng. Ngoài ra, Công ty D không yêu cầu gì khác.

\* Tại bản khai đề ngày 24 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Sau khi ông Trần V ký Hợp đồng giao nhận khoán mỏ đá N số 404/2018/HĐKMĐ-NH ngày 24-7-2018 với Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ B, ông V có mời anh hợp tác góp vốn kinh doanh để cùng khai thác đá và chia lợi nhuận theo tỉ lệ góp vốn. Ông V đã đưa chiếc xe máy xúc lật vào góp vốn, trở thành tài sản chung của anh và ông V và từ đó đã được sử dụng cho việc khai thác đá tại mỏ đá N. Từ tháng 7-2020, mỏ đá N đã dừng hoạt động và đã hoàn trả mặt bằng cho Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ B. Ông V đã bỏ đi và anh không liên lạc được nên anh đã đưa xe về quản lý, trông coi chứ không nhằm mục đích chiếm đoạt xe. Nay anh đồng ý giao trả lại xe cho Công ty D trong trường hợp Tòa tuyên phải trả để tránh sau này ông V về lại tranh chấp với anh. Việc ông V thuê xe máy xúc lật nêu trên của Công ty D như thế nào anh không biết, nên mọi thiệt hại, tổn thất xảy ra nếu ông V thuê xe thì ông V phải chịu trách nhiệm với Công ty D. Ngoài ra, anh không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

\* Bị đơn ông Trần V đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án cũng không lấy được lời khai của ông V.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng:

- Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về quan hệ pháp luật tranh chấp, Thẩm phán căn cứ nội dung đơn khởi kiện xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản” và đây là vụ án kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa đúng; bởi lẽ: Theo lời khai của Công ty D là cho ông V thuê xe máy xúc lật để khai thác đá tại mỏ đá N và ông V trả tiền công cho Công ty D, hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng; do đó, không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh Công ty D cho ông V thuê xe để kinh doanh mỏ đá. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại” và đây là vụ án dân sự theo khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 165, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty D, buộc ông V và anh H trả lại chiếc xe máy xúc lật bánh lốp, hiệu L, màu sơn vàng, biển đăng ký Z.

- Bác yêu cầu của Công ty D buộc ông V bồi thường thiệt hại 02 bình ắc-quy của chiếc xe máy xúc lật và chi phí thuê xe cẩu để kéo xe máy xúc lật từ huyện V về thành phố Q 8.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn Công ty D khởi kiện yêu cầu ông Trần V, anh Nguyễn Văn H phải trả lại chiếc xe máy xúc lật bánh lốp, hiệu L, màu sơn vàng, biển đăng ký Z, đồng thời yêu cầu ông V phải bồi thường giá trị 02 cái bình ắc quy trên xe (đã bị tháo mất) và chi phí thuê xe cẩu, xe đầu kéo để vận chuyển xe từ thị trấn V về thành phố Quy Nhơn. Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án cho thấy: Xe máy xúc lật này thuộc quyền sở hữu và đăng ký đúng tên Công ty D. Xuất phát từ mối quan hệ quen biết từ trước nên Công ty D có cho ông V thuê xe máy xúc lật nêu trên để khai thác mỏ đá N và tính tiền thuê theo khối lượng công việc. Mặc dù, hai bên không lập văn bản hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng, nhưng việc cho thuê xe không trái với quy định tại Điều 483 của Bộ luật Dân sự về hợp đồng thuê khoán tài sản, nên có hiệu lực pháp luật. Đây là quan hệ hợp đồng giữa một pháp nhân (doanh nghiệp) có đăng ký kinh doanh) với một thể nhân thương mại và đều xuất phát từ mục đích kinh doanh khai thác đá thu lợi nhuận. Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng đây là vụ án dân sự về tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại, không xuất phát từ quan hệ hợp đồng là không đúng. Cho nên, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý và xét xử vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng thuê khoán tài sản theo khoản

1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng.

[2] Bị đơn ông Trần V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Theo thỏa thuận hợp đồng thuê xe máy xúc lật giữa Công ty D (bên cho thuê) và ông Trần V (bên thuê), đối tượng cho thuê là 01 chiếc xe máy xúc lật bánh lốp, hiệu L, màu sơn vàng, số động cơ B, số khung C, biển đăng ký Z; mục đích thuê để khai thác mỏ đá N theo Hợp đồng giao nhận khoán mỏ đá N số 404/2018/HĐKMĐ-NH ngày 24-7-2018 giữa Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ B và ông V; thời hạn thuê khi nào không khai thác nữa thì trả lại xe; tiền thuê xe trả theo khối lượng đá trực tiếp khai thác. Thời điểm thuê xe từ cuối năm 2018 đến cuối năm 2020, ông V bỏ đi, không tiếp tục khai thác mỏ đá nhưng không giao trả xe cho Công ty D. Vì ông V tự ý đem xe máy xúc lật nêu trên góp vốn cùng với anh Nguyễn Văn H để cùng khai thác mỏ đá N, anh H định ninh xe này là xe của ông V nên tiếp tục giữ xe không trả lại cho Công ty D. Việc Công ty D yêu cầu ông V phải trả lại xe là đúng với nghĩa vụ của bên thuê xe, phù hợp với Điều 493 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, anh H đồng ý giao trả xe cho Công ty D sau khi đã xác định rõ đây là xe của Công ty D. Cho nên, Tòa chấp nhận yêu cầu của Công ty D buộc ông V, anh H phải giao trả lại xe máy xúc lật bánh lốp, hiệu L, màu sơn vàng, số động cơ B, số khung C, biển đăng ký Z cho Công ty D là có căn cứ.

[4] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ thấy xe đang được anh H gửi ở khu vực Bến xe thị trấn V, huyện V; tình trạng xe thiếu 02 bình ắc-quy theo định giá có giá trị 6.000.000 đồng. Công ty D yêu cầu ông V phải bồi thường thiệt hại 02 bình ắc-quy và chi phí vận chuyển xe từ thị trấn V về thành phố Q (tiền thuê xe cẩu, xe đầu kéo) 8.000.000 đồng, tổng cộng là 14.000.000 đồng. Xét yêu cầu của Công ty D là phù hợp với Điều 490 của Bộ luật Dân sự nên được Tòa chấp nhận.

[5] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng, Công ty D đã nộp tạm ứng. Theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông V và anh H phải chịu, mỗi người phải hoàn trả cho Công ty D 2.000.000 đồng.

[6] Chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng, Công ty D đã nộp tạm ứng. Theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông V phải chịu và phải hoàn trả cho Công ty D 2.000.000 đồng.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, theo Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông V, anh H phải chịu án phí về yêu cầu trả lại xe là 3.000.000 đồng; ông V còn phải chịu án phí về bồi thường thiệt hại là 3.000.000 đồng. Hoàn trả cho Công ty D tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án chỉ phù hợp một phần với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 483, 490, 493 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D.**

1.1. Buộc ông Trần V và anh Nguyễn Văn H phải giao trả cho Công ty D 01 chiếc xe máy xúc lật bánh lốp, hiệu L, màu sơn vàng, số động cơ B, số khung C, biển đăng ký Z.

1.2. Buộc ông Trần V phải bồi thường thiệt hại cho Công ty D với số tiền là 14.000.000 đồng, trong đó: 02 bình ắc-quy trị giá là 6.000.000 đồng; chi phí vận chuyển xe từ thị trấn V về thành phố Quy Nhơn (tiền thuê xe cầu, xe đầu kéo) là 8.000.000 đồng.

### **2. Về các chi phí tố tụng:**

2.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần V và anh Nguyễn Văn H mỗi người phải hoàn trả cho Công ty D số tiền là 2.000.000 đồng.

2.2. Về chi phí định giá tài sản: Ông Trần V phải hoàn trả cho Công ty D số tiền là 2.000.000 đồng.

### **3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

3.1. Ông Trần V và anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí về yêu cầu trả lại xe là 3.000.000 đồng.

3.2. Ông Trần V phải chịu án phí về bồi thường thiệt hại là 3.000.000 đồng.

3.3. Hoàn trả cho Công ty D tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003052 ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**4.** Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Trần Duyên Anh**